

Thứ sáu, ngày 22 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh tại ngưỡng kháng cự

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/5/2020		•	
Tuần 25/5-29/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi quay trở lại ngưỡng kháng cự 860 điểm, thị trường ngay lập tức điều chỉnh tại mức này. Sắc đỏ duy trì từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều với lực bán tăng dần theo thời gian. Hoạt động chốt lãi sau chuỗi tăng điểm 2 tuần diễn ra ở hầu hết nhóm ngành trên thị trường. Chỉ có ngành thép (HPG, HSG) vẫn có diễn biến khá tích cực. Khối ngoại đã mua ròng trở lại trên sàn HSX trong khi bán ròng trên sàn HNX. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực, thanh khoản suy giảm nhẹ và biên độ dao động không đổi cho thấy tâm lý chốt lãi khá mạnh trên thị trường. Với xu hướng này, VN-Index có thể sẽ tích lũy quanh trong tại vùng 835-880 điểm trong giai đoạn tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Vật liệu Xây dựng_0.9%**

Phân tích kỹ thuật: KSB_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-9.99 điểm**, đóng cửa 852.74. HNX-Index **+1.30 điểm**, đóng cửa 107.04.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.63); +VCF (+0.09); KDC (+0.06); TCH (+0.05); HSG (+0.05).**
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.53); VIC (-1.35); TCB (-0.85); GAS (-0.55); VNM (-0.40).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,515 tỷ đồng**, giảm **-6%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.57 điểm, tương đương với phiên trước. Thị trường có 124 mã tăng, 68 mã tham chiếu và 236 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **23.75 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (43.55 tỷ), VCB (36.85 tỷ) và VHM (26.31 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-31.75 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

852.74

Giá trị: 4515.45 tỷ

-9.99 (-1.16%)

Khối ngoại (ròng): 23.75 tỷ

HNX-INDEX

107.04

Giá trị: 703.08 tỷ

1.3 (1.23%)

Khối ngoại (ròng): -31.75 tỷ

UPCOM-INDEX

54.24

Giá trị: 281.72 tỷ

-0.07 (-0.13%)

Khối ngoại (ròng): -6.74 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	31.9	-5.90%
Giá vàng	1,737	0.55%
Tỷ giá USD/VND	23,273	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,478	0.05%
Tỷ giá JPY/VND	21,645	0.12%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	8.06%
LS TPCP 5 năm	2.0%	2.42%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	43.6	HPG	-30.0
VCB	36.9	SHB	-28.0
VHM	26.3	E1VFN30	-22.5
VRE	17.6	CII	-15.1
VPB	17.0	VJC	-11.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Vật liệu Xây dựng	0.9%	4.2%	9.0%	41.0%	-4.5%	-4.5%	20.5%
Chiến tranh thương mại	0.3%	0.5%	5.8%	38.3%	-12.4%	-12.4%	18.1%
Lãi suất giảm	-0.3%	2.3%	8.8%	40.2%	-7.5%	-7.5%	19.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	0.7%	5.3%	29.4%	0.6%	0.6%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	0.0%	7.3%	34.2%	-9.0%	-9.0%	22.8%
Ngành Dược	-0.6%	-0.4%	1.3%	17.1%	-6.3%	-6.3%	18.2%
Corona Avengers	-0.7%	1.3%	8.6%	44.9%	-4.6%	-4.6%	22.2%
FTSE Việt Nam	-0.7%	4.3%	12.7%	27.3%	-9.0%	-9.0%	16.8%
Nước & Năng lượng	-0.7%	1.7%	4.7%	27.1%	-9.8%	-9.8%	16.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.0%	3.5%	11.6%	28.9%	-9.4%	-9.4%	15.9%
Hàng tiêu dùng	-1.1%	3.4%	9.8%	46.9%	-5.3%	-5.3%	19.4%
Xây dựng	-1.1%	-0.2%	7.5%	33.6%	-8.4%	-8.4%	19.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.2%	3.1%	-1.1%	-1.1%	-1.1%	-1.1%	25.4%
Ngân Hàng	-1.2%	4.1%	13.6%	30.7%	-6.0%	-6.0%	23.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.2%	3.4%	10.0%	31.7%	-9.2%	-9.2%	17.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.2%	3.6%	13.3%	40.5%	-10.3%	-10.3%	21.2%
Stay-at-home	-1.6%	2.8%	5.8%	36.8%	-0.8%	-0.8%	17.1%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.7%	1.3%	5.9%	23.8%	-14.1%	-14.1%	17.9%
Dầu khí	-1.9%	0.2%	9.1%	39.9%	-24.4%	-24.4%	25.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-2.0%	2.4%	11.6%	30.8%	-13.7%	-13.7%	16.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-2.1%	1.4%	9.9%	33.3%	-11.3%	-11.3%	19.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.3%	4.2%	15.2%	33.9%	-7.3%	-7.3%	21.5%
VN Diamond	-2.3%	1.4%	10.9%	34.4%	-11.5%	-11.5%	19.4%
VN FinSelect	-2.5%	3.5%	15.5%	33.0%	-7.0%	-7.0%	20.0%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	-0.9%	3.8%	13.0%	36.2%	-4.3%	-4.3%	18.8%
L32	-0.9%	2.8%	11.2%	45.7%	-11.7%	-11.7%	20.9%
M31	-1.1%	4.2%	10.1%	32.0%	-9.9%	-9.9%	20.9%
S11	-1.2%	1.6%	8.9%	25.6%	-4.0%	-4.0%	18.8%
S21	-1.2%	2.6%	8.7%	33.5%	-9.6%	-9.6%	19.9%
S32	-1.2%	2.0%	10.6%	43.8%	-15.6%	-15.6%	22.2%
M12	-1.4%	2.5%	11.6%	29.8%	-7.4%	-7.4%	19.9%
L22	-1.4%	1.5%	7.8%	37.1%	-10.1%	-10.1%	19.6%
L11	-1.5%	1.2%	7.0%	28.0%	-11.3%	-11.3%	17.3%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-1.0%	2.4%	9.6%	25.6%	-7.4%	-7.4%	17.1%
MID1	-1.2%	1.1%	8.3%	35.1%	-2.7%	-2.7%	17.5%
HIGH3	-1.3%	3.2%	7.4%	35.5%	-3.4%	-3.4%	18.9%

INDEX							
VNINDEX	-1.2%	3.1%	10.9%	28.7%	-11.3%	-11.3%	16.8%
VN30INDEX	-1.5%	3.8%	12.3%	31.5%	-8.6%	-8.6%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	13	11	9	15	8	16
Mục tiêu	9	3	6	2	7	3	6
Rủi ro	3	1	2	1	2	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

KSB_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: KSB đang ở trong trạng thái tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị tốt và ổn định. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu vượt ngưỡng cản tại giá 21 để chính thức phá vỡ xu hướng giảm dài hạn. Các chỉ báo xu hướng hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của KSB. Tuy vậy, chỉ báo động lượng RSI vừa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể có những nhịp điều chỉnh ngắn hạn trong đà tăng của mình. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của KSB nằm tại mốc 19.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 25, cắt lỗ nếu mốc 18 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/5

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 22/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	33.22	-2.06%	12.50%	60.60%	-40.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	35.31	-2.08%	8.60%	46.80%	-40.29%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	102.67	-1.76%	5.80%	49.30%	-42.72%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1726.10	-0.05%	-1.00%	0.70%	29.75%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.82	-1.66%	1.30%	11.40%	13.62%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	833.00	-0.24%	-0.70%	-1.10%	-6.72%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	513.25	-0.53%	2.60%	-5.60%	0.44%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.42	-1.19%	3.40%	57.60%	4.88%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	141.34	-2.15%	-0.90%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.98	-1.88%	5.00%	9.70%	-17.57%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	104.75	-0.85%	-1.80%	-6.10%	-0.71%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5390.50	-0.96%	3.60%	4.00%	-9.04%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	497.54	-0.22%	2.30%	3.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1521.00	0.56%	3.10%	1.20%	-15.38%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	102.47	2.55%	10.90%	18.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.05	0.00%	1.30%	7.30%	-29.17%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 34 US cent tương đương 1% lên 36.09 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 43 US cent tương đương 1.28% lên 33.92 USD/thùng. Dấu hiệu mới nhất cho thấy dư cung giảm bớt, tồn trữ dầu thô Mỹ giảm 5 triệu thùng trong tuần trước, đồng thời việc tiêu thụ nhiên liệu hồi phục.
- Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC), Nga và các đồng minh khác được gọi là OPEC+ đồng ý cắt giảm nguồn cung ở mức kỷ lục 9.7 triệu thùng/ngày từ ngày 1/5/2020. Cho đến nay OPEC+ đã cắt giảm xuất khẩu dầu thêm 6 triệu thùng/ngày – một khởi đầu mạnh mẽ trong việc tuân thủ thỏa thuận.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.5% xuống 1,722.78 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2020 giảm 1.7% xuống 1,721.9 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% do các nhà đầu tư bán ra chốt lời sau khi giá tăng mạnh mới đây và một số nhà đầu tư chuyển sang nắm giữ tiền mặt, khi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung gia tăng và mối hoài nghi về sự hồi phục nền kinh tế.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 2.1% lên 722 CNY (101.67 USD)/tấn, tăng phiên thứ 7 liên tiếp. Do vậy, tính từ đầu năm đến nay, giá quặng sắt tăng hơn 20%. Giá quặng sắt tại Đại Liên tăng vượt ngưỡng 100 USD/tấn, do lo ngại nguồn cung quặng sắt thắt chặt bởi các hạn chế virus corona, trong khi triển vọng nhu cầu thép toàn cầu ảm đạm. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn Singapore tăng 1.7% lên 95.42 USD/tấn.
- Công ty khai thác quặng sắt Vale SA Brazil cắt giảm triển vọng sản lượng năm 2020 xuống 310-330 triệu tấn so với mức 340-355 triệu tấn dự báo trước đó.
- Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.8%, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.6%

Giá cao su

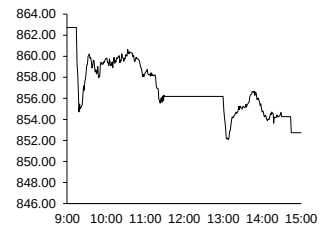
- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.6 JPY tương đương 0.4% lên 155.5 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.2% lên 10,435 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng phiên thứ 3 liên tiếp lên mức cao nhất hơn 2 tháng, do các nhà đầu tư kỳ vọng kinh tế hồi phục nhanh chóng từ khủng hoảng virus corona.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE giảm 0.9 US cent tương đương 0.9% xuống 1.0475 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 3 USD tương đương 0.3% lên 1,189 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn ICE giảm 0.21 US cent tương đương 1.9% xuống 10.98 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London giảm 1.5 USD tương đương 0.4% xuống 365.3 USD/tấn.
- Tại Ấn Độ, giá gạo 5% tấm tăng lên 385-389 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 4/2019, tăng so với 380-385 USD/tấn tuần trước đó. Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm tăng lên 480-505 USD/tấn so với 480-485 USD/tấn tuần trước đó. Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam tăng lên mức cao nhất gần 1 năm (450-460 USD/tấn).

Hình 1

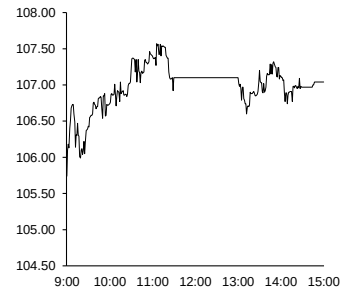
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	2.60%
Ô tô và phụ tùng	0.91%
Dịch vụ tài chính	-0.07%
Y tế	-0.14%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.50%
Xây dựng và Vật liệu	-0.71%
Thực phẩm và đồ uống	-0.91%
Du lịch và Giải trí	-0.92%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.03%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.03%
Ngân hàng	-1.06%
Hóa chất	-1.23%
Dầu khí	-1.47%
Công nghệ Thông tin	-1.52%
Bất động sản	-1.59%
Truyền thông	-1.67%
Bảo hiểm	-1.67%
Bán lẻ	-1.90%
Viễn thông	-8.18%

Nguồn: FiinPro

BẠN CÓ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NHƯ MỘT CON LỪA

Chuyện kể rằng xưa kia có một người lái buôn phải thường xuyên vào thành để mua đồ và chất lên vai Lừa để trở về nhà. Con Lừa của người lái buôn nghĩ rằng mình rất thông minh, lúc nào cũng thích động não, nghĩ mọi cách để có thể khiến cho đồ mình phải chở càng nhẹ càng tốt.

Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đàng sau thúc Lừa đi nhanh. Đi được một lúc, người lái buôn và Lừa đi đến một con sông nhỏ, người lái buôn thúc Lừa lội xuống nước. Lừa không cẩn thận đã bị trượt chân, ngã xuống nước. Nước sông đã ngấm vào miệng tải muối khiến cho muối bị tan ra rất nhiều.

Khi Lừa ta đứng dậy thì phát hiện ra tải muối mà mình chở đã nhẹ hơn rất nhiều, trong lòng cảm thấy thích chí lắm. Có được kinh nghiệm lần này, mỗi lần qua sông, Lừa ta đều giả vờ trượt chân ngã để cho bớt một ít đồ trên lưng xuống sông. Người lái buôn biết vậy, định bụng sẽ phạt Lừa. Người lái buôn vào trong thành mua một tải bông, và chất lên lưng Lừa. Lại một lần nữa đi qua con sông nhỏ, nhìn thấy sông, Lừa ta vui mừng thầm reo lên, không ngần ngại bước xuống sông. Khi đến giữa sông, Lừa ta lại giả vờ trượt chân ngã.

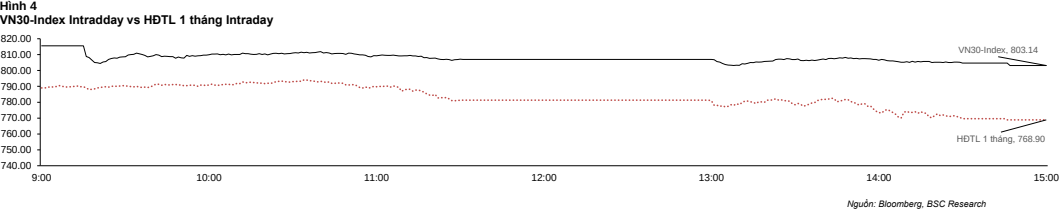
Lừa sung sướng nghĩ: "Khi mà mình đứng lên chắc chắn đồ trên lưng mình sẽ nhẹ hơn rất nhiều đây". Nhưng khi Lừa ta vừa mới đứng dậy, đột nhiên thấy đồ trên lưng mình nặng hơn trước rất nhiều. Thì ra, tải bông sau khi hút nước đã trở nên nặng hơn trước rất nhiều. Lừa ta không ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngậm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì.

Bài học rút ra từ câu chuyện trên: Khi làm bất cứ chuyện gì, không thể cứ cứng nhắc áp dụng mãi những kinh nghiệm đã có mà cần phải xem tình hình thực tế như thế nào, tùy cơ ứng biến, chọn cách làm cho phù hợp.

Trong đầu tư chứng khoán, có rất nhiều cổ phiếu có cách "đánh" lặp đi lặp lại. Tuy vậy, điều này không phải sẽ kéo dài mãi mãi và nhà đầu tư nếu cứ suy nghĩ theo hướng "bắt bài đội lái" sẽ sớm muộn bị "lái đè". Do đó, nhà đầu tư cần tỉnh táo và có cách ứng xử phù hợp để không trở thành con Lừa trong đầu tư chứng khoán.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	768.90	-2.18%	-34.24	232.0%	183,398	6/18/2020	27
VN30F2007	760.50	n/a	-42.64	n/a	1,183	7/16/2020	55
VN30F2009	757.00	-1.69%	-46.14	-30.7%	246	9/17/2020	118
VN30F2012	753.00	-2.70%	-50.14	-5.7%	296	12/17/2020	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -12.41 điểm xuống mức 803.14 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MSN, HDB, và MWG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng xuống dưới 805 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 805-810 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 795-815 điểm trong các phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2006 và VN30F2007 đang giảm, trong khi VN30F2009 và VN30F2012 đang tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2004	SSI	6/15/2020	24	1:1	207,990	-54.2%	5.0 triệu	34.65%	2,800	4,030	32.57%	3,864.20	1.04
CHPG2001	HSC	6/30/2020	39	2:1	133,830	198.7%	5.0 triệu	34.65%	1,800	2,000	19.76%	1,772.50	1.13
CHPG2007	KIS	7/16/2020	55	1:1	62,510	824.7%	2.5 triệu	34.65%	1,660	5,240	17.23%	4,563.00	1.15
CTCB2004	MBS	8/18/2020	88	2:1	212,380	788.6%	2.0 triệu	35.65%	1,050	2,350	16.92%	2,198.80	1.07
CHPG2002	KIS	12/16/2020	208	2:1	310,390	3.6%	3.0 triệu	34.65%	1,700	1,850	14.20%	1,032.00	1.79
CTCB1902	VND	6/5/2020	14	1:1	168,790	47.6%	2.0 triệu	35.65%	5,300	850	11.84%	630.10	1.35
CVPB2005	MBS	8/18/2020	88	2:1	160,140	107.8%	2.0 triệu	42.13%	1,510	2,900	11.11%	2,591.90	1.12
CHDB2003	KIS	12/16/2020	208	2:1	127,940	194.7%	2.0 triệu	36.91%	2,700	1,030	5.10%	337.50	3.05
CVNIM2003	MBS	9/4/2020	105	10:1	156,900	-12.5%	3.0 triệu	29.90%	1,450	2,490	2.47%	2,241.00	1.11
CFPT2003	SSI	11/9/2020	171	1:1	21,320	0.0%	2.0 triệu	32.43%	7,300	12,300	0.00%	9,593.00	1.28
CFPT2004	SSI	8/10/2020	80	1:1	26,250	-16.3%	2.0 triệu	32.43%	5,100	9,860	-1.69%	7,816.70	1.26
CVHM2001	KIS	12/16/2020	208	5:1	184,530	-28.8%	2.0 triệu	34.44%	3,100	1,560	-1.89%	608.50	2.56
CSTB2002	KIS	12/16/2020	208	1:1	164,820	61.7%	3.0 triệu	38.12%	1,700	1,460	-3.31%	676.70	2.16
CFPT2005	VND	7/1/2020	40	1:1	48,880	-38.2%	1.0 triệu	32.43%	2,900	8,920	-4.19%	8,196.60	1.09
CSTB2003	KIS	9/16/2020	117	1:1	265,030	-9.2%	3.0 triệu	38.12%	1,360	1,270	-4.51%	584.50	2.17
CMSN2001	KIS	12/16/2020	208	5:1	99,840	2015.3%	2.0 triệu	33.48%	2,300	2,010	-5.19%	1,074.40	1.87
CMBB2003	SSI	11/9/2020	171	1:1	61,540	71.6%	3.0 triệu	32.96%	2,000	2,190	-5.19%	1,394.50	1.57
CROS2002	KIS	12/16/2020	208	1:1	1,066,900	171.6%	2.0 triệu	63.09%	1,000	650	-5.80%	72.30	8.99
CVJC2001	KIS	12/16/2020	208	10:1	369,570	92.8%	2.0 triệu	28.01%	2,400	730	-8.75%	36.90	19.78
CPNJ2003	VCSC	10/26/2020	157	5:1	6,410	482.7%	1.5 triệu	35.03%	2,000	2,200	-9.47%	479.80	4.59
CVPB2001	HSC	6/22/2020	31	2:1	126,300	-70.1%	5.0 triệu	42.13%	1,500	2,190	-10.25%	2,148.90	1.02
Tổng:					3,982,260		55.00 triệu	36.26%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/05/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.
- Về giá, CHPG2007 và CHPG2005 tăng mạnh lần lượt là 17.23% và 12.44%. Trái lại, CPNJ2003 giảm mạnh -9.47%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -2.66%. CHPG2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.53% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	27.25	2.83	1.63
SSI	14.30	-0.35	-0.02
ROS	3.49	-3.59	-0.05
POW	10.10	-0.98	-0.06
CTD	68.10	-2.01	-0.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.1	-4.32	-2.83
VPB	24.2	-2.23	-1.23
MSN	62.0	-2.82	-1.10
HDB	23.9	-4.59	-1.02
VIC	96.4	-1.63	-1.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2004	26,300	23,500	27,250
CHPG2001	27,600	24,000	27,250
CHPG2007	24,659	22,999	27,250
CTCB2004	19,100	17,000	21,050
CHPG2002	33,399	29,999	27,250
CTCB1902	26,300	21,000	21,050
CVPB2005	22,520	19,500	24,150
CHDB2003	37,523	32,123	23,900
CVNIM2003	108,500	94,000	114,400
CFPT2003	57,300	50,000	48,450
CFPT2004	55,100	50,000	48,450
CVHM2001	110,067	94,567	76,500
CSTB2002	13,588	11,888	10,200
CFPT2005	51,900	49,000	48,450
CSTB2003	12,471	11,111	10,200
CMSN2001	77,289	65,789	62,000
CMBB2003	20,000	18,000	17,250
CROS2002	8,227	7,227	3,490
CVJC2001	197,137	173,137	114,000
CPNJ2003	85,000	75,000	63,200
CVPB2001	23,000	20,000	24,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.0	-2.3%	1.3	1,673	5.5	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.2	-1.3%	1.3	619	2.2	5,248	12.0	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.2	-1.9%	1.3	1,586	1.9	1,168	42.1	1.9	28.4%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.5	-1.6%	0.5	296	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.4	-1.6%	0.8	14,177	1.2	2,095	46.0	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.8	-1.9%	1.1	2,549	6.7	1,226	21.0	2.2	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.3	-0.4%	0.8	2,247	2.4	3,584	14.9	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.2	-1.9%	0.8	421	0.6	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.1	-2.6%	1.4	250	2.3	2,289	4.9	0.8	39.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.3	-0.3%	1.3	374	4.7	1,415	10.1	0.8	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.2	-0.4%	1.0	166	0.8	4,240	5.5	0.9	30.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.5	0.0%	1.8	246	2.4	1,480	12.5	1.3	54.0%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.5	-1.7%	0.8	1,651	3.7	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.6	0.0%	0.4	536	0.1	4,812	10.3	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.9	-1.5%	1.4	6,150	3.2	5,820	12.7	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	-1.3%	1.5	2,402	1.6	869	53.4	2.9	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	-3.9%	1.5	258	4.6	1,777	7.0	0.5	12.7%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	-1.5%	0.8	863	1.6	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.9	-0.6%	0.5	528	0.0	5,046	18.4	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.5	2.8%	0.5	247	2.6	1,006	14.4	0.7	13.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.6	1.1%	0.5	197	0.9	415	20.7	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	81.0	-0.2%	1.2	13,062	2.8	4,848	16.7	3.5	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.3	-1.0%	1.5	6,872	2.0	2,140	18.4	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.8	-0.7%	1.2	3,691	7.7	2,510	9.1	1.1	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.2	-2.2%	1.2	2,560	5.1	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	-2.0%	1.1	1,809	5.8	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.4	0.0%	1.0	1,619	4.7	3,780	5.9	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	46.8	0.4%	0.9	166	0.8	5,303	8.8	1.5	79.7%	17.0%
NTP	Nhựa	34.4	-2.3%	0.4	147	0.0	4,208	8.2	1.3	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-1.3%	0.5	632	0.0	356	41.3	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.3	2.8%	1.1	3,271	19.0	2,764	9.9	1.5	36.9%	17.4%
HSG	Thép	9.7	4.6%	1.6	187	4.3	1,491	6.5	0.7	16.5%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	114.4	-0.5%	0.7	8,661	5.4	5,453	21.0	6.6	58.6%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	174.0	-1.1%	0.8	4,851	0.3	6,719	25.9	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.0	-2.8%	1.0	3,151	3.6	3,961	15.7	1.7	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.9	-1.3%	0.8	380	1.5	141	105.9	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	59.7	-2.0%	0.8	5,651	1.4	3,450	17.3	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	114.0	-0.9%	1.1	2,596	2.0	7,110	16.0	4.0	18.6%	26.3%
HVN	Vận tải	26.9	-1.5%	1.7	1,659	1.1	1,654	16.3	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.3	-0.5%	0.9	249	0.3	1,583	12.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	-1.9%	1.1	128	1.0	2,117	5.0	0.7	25.2%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.7	0.2%	1.0	443	0.9	9,201	7.1	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.7	1.4%	0.7	344	0.3	1,453	12.1	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	0.0%	1.0	226	0.2	1,938	7.0	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.1	-2.0%	1.1	226	0.8	8,032	8.5	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	24.9	-0.8%	0.4	478	0.1	1,498	16.6	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.7	-2.0%	0.4	205	1.3	1,775	11.1	0.9	45.3%	8.5%
POW	Điện	10.1	-1.0%	0.6	1,028	1.5	1,028	9.8	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	20.5	-0.5%	0.5	257	0.2	2,543	8.1	1.4	17.7%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	27.25	2.83	0.59	16.25MLN
VCF	221.80	5.62	0.09	690.00
KDC	29.00	3.02	0.06	942530.00
TCH	22.75	2.48	0.06	3.06MLN
HSG	9.70	4.64	0.05	10.41MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.55	292930.00	1.11MLN
VHM	0.00	-1.44	2.15MLN	607060.00
TCB	0.00	-0.95	3.32MLN	373600.00
GAS	0.00	-0.60	982700.00	192700.00
MSN	0.00	-0.60	1.31MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VID	3.68	6.98	0.00	85480.00
CKG	10.75	6.97	0.01	657860.00
TEG	5.08	6.95	0.00	14770.00
HII	13.90	6.92	0.01	377720.00
SBV	9.75	6.91	0.01	34590.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPG	23.70	-10.23	-0.04	548750.00
LMH	0.93	-7.00	0.00	317020.00
SC5	19.30	-6.99	-0.01	110.00
DTA	4.02	-6.94	0.00	24530.00
DTT	13.45	-6.92	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	13.20	10.00	1.61	13.84MLN
TVC	33.00	4.76	0.05	303100.00
VIX	5.20	6.12	0.03	68000.00
DGC	32.60	0.93	0.02	174900.00
VIF	16.60	3.75	0.02	900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	12.40	-3.88	-0.12	8.30MLN
DL1	10.20	-9.73	-0.05	200.00
MBG	7.30	-9.88	-0.04	10.74MLN
L14	64.00	-3.76	-0.03	63200.00
NTP	34.40	-2.27	-0.03	26300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

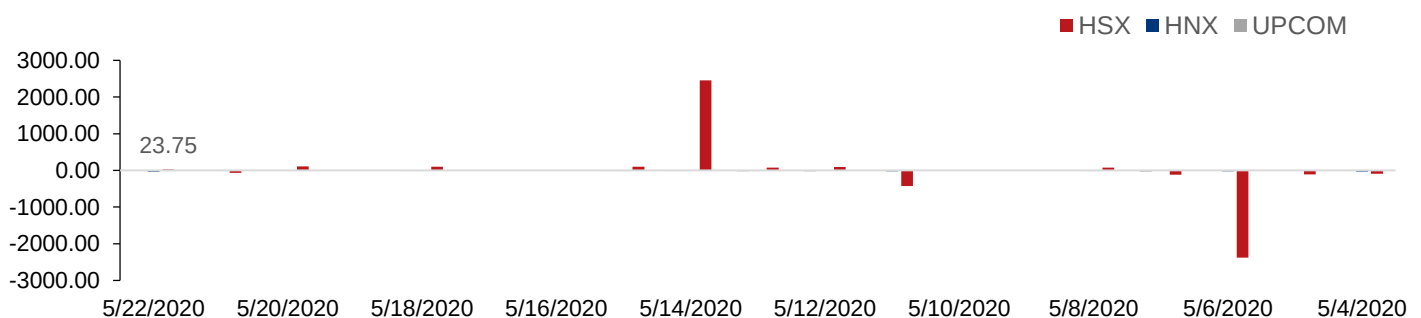
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	33.3	0.00	6300.00
SJC	0.70	16.7	0.00	353900.00
CTC	3.30	10.0	0.00	2000.00
D11	19.80	10.0	0.01	9700.00
DST	3.30	10.0	0.01	75100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.20	-33.33	0.00	314800.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	120200.00
MEC	0.50	-16.67	0.00	17100.00
TDN	6.10	-15.28	-0.01	75600.00
HKB	0.70	-12.50	0.00	458300.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.2	5,248	12.0	2.9	Click
2	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	125.0	5,718	21.9	7.7	Click
3	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.1	2,289	4.9	0.8	Click
4	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.1	1,496	11.4	1.0	Click
5	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	26.0	7,637	3.4	1.2	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.8	5,311	4.1	1.0	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	26.9	4,465	6.0	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	81.0	4,848	16.7	3.5	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.4	3,780	5.9	1.3	Click
10	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	33.8	6,553	5.2	1.2	Click
11	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	45.5	3,887	11.7	2.3	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.5	4,804	10.1	2.2	Click
13	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.3	1,583	12.2	1.0	Click
14	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.9	1,880	6.8	0.6	Click
15	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	174.0	6,719	25.9	6.5	Click
16	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.3	1,782	12.0	1.5	Click
17	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	114.4	5,453	21.0	6.6	Click
18	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.4	1,781	6.9	0.7	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	85.0	8,808	9.7	2.9	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	33.8	6,553	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2m, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%/yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%/yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%/yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%/yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%/yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%/yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%/yoy) và 632 tỷ (-23%/yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%/yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%/yoy) và 632 tỷ (-23%/yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%/yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%/yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%/yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%/yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm photpho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Photpho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Photpho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cân trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn